

Số: 64/2026/QĐST-DS

Đồng Tháp, ngày 10 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự, được sửa đổi, bổ sung năm 2025;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 02 tháng 7 năm 2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 546/2026/TLST-DS ngày 09 tháng 6 năm 2026.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng T2 (gọi tắt là VCBN).

Địa chỉ: Số A, T, phường H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Anh T - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Anh T: Ông Võ Minh S - Chức vụ: Phó Giám đốc chi nhánh T3 (Theo Quyết định số 1556/2025/QĐ-VCBN ngày 31/12/2025).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Võ Minh S: Chị Nguyễn Minh Nguyệt T1 - Chức vụ: Phó trưởng phòng khách hàng; Chị Nguyễn Hoàng U - Chức vụ: Chuyên viên QQHKKH - VCBN Chi nhánh T3; Anh Nguyễn Thành H - Chức vụ: Chuyên viên QQHKKH - VCBN Chi nhánh T3; Chị Trần Phương L - Chức vụ: Chuyên viên QQHKKH - VCBN Chi nhánh T3. Cùng địa chỉ liên hệ: Số A, N, phường M, tỉnh Đồng Tháp (Giấy uỷ quyền số 75/2026/GUQ-VCBN ngày 06/4/2026).

- *Bị đơn:* Bà Phan Thị H1, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Số nhà A, Ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bà Phan Thị H1 thống nhất trả cho Ngân hàng T2 (gọi tắt là VCBN) nợ gốc và lãi (tạm tính đến ngày 02/7/2026) với tổng số tiền là: **5.370.088.561** đồng (Bằng chữ: Năm tỷ, ba trăm bảy mươi triệu, không trăm tám mươi tám nghìn, năm trăm sáu mươi một đồng) theo 02 hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa bà Phan Thị H1 với Ngân hàng T2 – Chi nhánh Đ, gồm:

- Hợp đồng tín dụng số: 59/2023/24101/08.1.HĐTD/500 ngày 20/04/2023: Dư nợ gốc 2.999.961.200 đồng; Lãi trong hạn: 717.648.745 đồng; Lãi chậm trả gốc: 69.571.805 đồng; Phạt chậm trả lãi: 244.229.686 đồng; Tổng cộng gốc, lãi: 4.031.411.436 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số: 148/2023/24101/08.1.HĐTD/500 ngày 31/07/2023: Dư nợ gốc 999.275.807 đồng; Lãi trong hạn: 215.929.299 đồng; L1 chậm trả gốc: 105.553.690 đồng, P chậm trả lãi: 17.918.329 đồng; Tổng cộng gốc, lãi: 1.338.677.125 đồng.

Kể từ ngày 03/7/2026, bà Phan Thị H1 thống nhất tiếp tục trả lãi cho Ngân hàng T2 (gọi tắt là VCBN) theo lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số: 59/2023/24101/08.1.HĐTD/500 ngày 20/04/2023 và Hợp đồng tín dụng số: 148/2023/24101/08.1.HĐTD/500 ngày 31/07/2023 nêu trên.

Công nhận Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 59/2023/24101/HĐTC/500 ngày 20/4/2023 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số: 148/2023/24101/PLHĐTC/500 ngày 31/07/2023 giữa bà Phan Thị H1 với Ngân hàng T2 – Chi nhánh Đ.

Trường hợp bà Phan Thị H1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì VCBN được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ, cụ thể là:

- Tài sản bảo đảm 1: Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất cùng toàn bộ các quyền và lợi ích phát sinh từ tài sản: Thuộc thửa đất số 74, tờ bản đồ số 3, địa chỉ: thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (nay là xã T, tỉnh Đồng Tháp), diện tích: 491,9m², mục đích sử dụng đất: Đất ở tại đô thị, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số ĐĐ 888832, số vào sổ cấp GCN: CS08710 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Đ (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đ) cấp ngày 31/05/2022 cho bà Phan Thị H1.

- Tài sản bảo đảm 2: Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất cùng toàn bộ các quyền và lợi ích phát sinh từ tài sản: Thuộc thửa đất số 105, tờ bản đồ số 3, địa chỉ: thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (nay là xã T, tỉnh Đồng Tháp), diện tích: 397,8m², mục đích sử dụng đất: Đất ở tại đô thị, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DI 564928, số vào sổ cấp GCN: CS09127 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Đ (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đ) cấp ngày 06/12/2022 cho bà Phan Thị H1.

Toàn bộ tiền thu được từ việc phát mãi tài sản nêu trên được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của bà Phan Thị H1 đối với VCBN. Nếu số tiền phát mãi tài sản không đủ để thanh toán hết khoản nợ của bà Phan Thị H1 tại VCBN thì bà Phan Thị H1 có trách nhiệm tiếp tục thực hiện nghĩa vụ cho đến khi trả hết khoản nợ nêu trên cho VCBN.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Phan Thị H1 thống nhất chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng xét bà H1 thuộc trường hợp người cao tuổi, nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng T2 (gọi tắt là VCBN) không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng T2 (gọi tắt là VCBN) số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 56.895.000 đồng (Năm mươi sáu triệu, tám trăm chín mươi lăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0009672 ngày 09 tháng 6 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND khu vực 11 – Đồng Tháp;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Trần Thị Bạch Phiến